

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỘ ĐỨC  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03-9-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Phong

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Công Thuyên

2. Bà Đoàn Thị Kim Nguyệt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Duy Đ, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1992; địa chỉ: Khu dân cư X, tổ dân phố Y, thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị H có mặt; anh Đ vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 08-7-2020 và các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Duy Đ trình bày:*

Anh và chị Lê Thị Mỹ H tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 26-7-2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi có 01

con chung thì xảy ra mâu thuẫn; chị H ôm con về bên nhà mẹ đẻ tại thị trấn M, huyện M để sinh sống cho đến nay. Lúc chị H bỏ đi thì chị H đang mang thai đứa con thứ hai. Kể từ khi chị H về bên nhà mẹ đẻ sinh sống thì giữa anh và chị H không liên lạc gì với nhau, vợ chồng sống ly thân kể từ đó cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh và chị Lê Thị Mỹ H có 02 con chung là Nguyễn Khôi N, sinh ngày 01-5-2017 và Nguyễn Mai Tường V, sinh ngày 03-02-2019. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N, chị H nuôi dưỡng cháu V; không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Tại bản tự khai ngày 20-7-2020, biên bản hòa giải ngày 07-8-2020 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn chị Lê Thị Mỹ H trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Duy Đ có tìm hiểu và tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn đúng như anh Đ đã trình bày. Trong quá trình chung sống, giữa chị và anh Đ xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh Đ không quan tâm đến vợ con, chị mang thai nên bảo anh Đ đưa đi khám nhưng anh Đ không đưa mà còn gây gổ đánh đập chị, đuổi chị ra khỏi nhà. Chị không thể tiếp tục sống với anh Đ được nữa nên đã ôm con về nhà mẹ đẻ tại thị trấn M, huyện M để sinh sống từ tháng 7-2018 cho đến nay. Khi chị ôm con về nhà mẹ đẻ sống thì chị đang mang thai đứa con thứ hai với anh Đ, nhưng anh Đ không hề quan tâm gì đến mẹ con chị, không thăm hỏi và phụ cấp tiền cho chị nuôi con; khi chị sinh con thứ hai thì anh Đ cũng không biết. Nay chị không còn tình cảm với anh Đ nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Duy Đ có 02 con chung là Nguyễn Khôi N, sinh ngày 01-5-2017 và Nguyễn Mai Tường V, sinh ngày 03-02-2019. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cả 02 con; yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con, mỗi con mỗi tháng 1.500.000đồng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

*Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy Đ. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Duy Đ được ly hôn chị Lê Thị Mỹ H; về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Khôi N, sinh ngày 01-5-2017 và Nguyễn Mai Tường V, sinh ngày 03-02-2019 cho chị Lê Thị Mỹ H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Nguyễn Duy Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 con, mỗi con mỗi tháng 1.000.000đồng

cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi; đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Tại thời điểm anh Nguyễn Duy Đ khởi kiện thì chị Lê Thị Mỹ H đang cư trú tại tổ dân phố Y, thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức thụ lý vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy Đ là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn chị Lê Thị Mỹ H có mặt; nguyên đơn anh Nguyễn Duy Đ vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Duy Đ và chị Lê Thị Mỹ H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 26-7-2016 và đã được Ủy ban nhân dân xã T cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Duy Đ và chị Lê Thị Mỹ H là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Duy Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng anh Nguyễn Duy Đ và chị Lê Thị Mỹ H xảy ra nhiều mâu thuẫn nên chị H đã ôm con về nhà mẹ đẻ sống và ly thân với anh Đ từ tháng 7-2018 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng anh Đ vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn; tại phiên tòa sơ thẩm, chị H cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của anh Đ. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Đ, chị H đã trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân trong thời gian dài, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đây là một trong những căn cứ để Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, anh Nguyễn Duy Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chị Lê Thị Mỹ H là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào trình bày của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định anh Nguyễn Duy Đ và chị Lê Thị Mỹ H có 02 con chung là Nguyễn Khôi N, sinh ngày 01-5-2017 và Nguyễn

Mai Tường V, sinh ngày 03-02-2019 (hiện đang sống cùng với chị H). Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đ yêu cầu được nuôi cháu N, giao cháu V cho chị H nuôi; chị H yêu cầu được nuôi cả 02 con.

Xét yêu cầu về nuôi con của anh Đ và chị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay cháu Nguyễn Mai Tường V mới hơn 01 năm tuổi. Từ khi cháu V được sinh ra đến nay thì chị Lê Thị Mỹ H là người trực tiếp nuôi và anh Nguyễn Duy Đ cũng không có yêu cầu được nuôi cháu V. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Mai Tường V cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Đối với cháu Nguyễn Khôi N hiện nay chỉ mới hơn 03 năm tuổi và đang sống cùng với chị H. Theo chị H trình bày thì từ khi chị H dẫn cháu N về nhà mẹ đẻ sinh sống đến nay, chị là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N; anh Đ không thăm hỏi con, cũng không đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con. Từ khi cháu N cùng với chị H về sống tại nhà mẹ đẻ của chị H đến nay thì thể chất và tinh thần của cháu N vẫn phát triển tốt. Do đó, để ổn định cuộc sống và sự phát triển về mọi mặt của cháu Nguyễn Khôi N, Hội đồng xét xử giao cháu N cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

### [2.3] Về cấp dưỡng cho con:

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị Mỹ H yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Duy Đ phải cấp dưỡng cho con, mỗi con mỗi tháng 1.500.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu về cấp dưỡng cho con của chị H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tại khoản 1 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”*.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, chị H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về thu nhập, khả năng thực tế hiện nay của anh Đ nhưng lại yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho 02 con, mỗi con mỗi tháng 1.500.000đồng là không phù hợp. Theo hướng dẫn tại mục 2 phần III của Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17-3-1999 của Tòa án nhân dân tối cao thì *“mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới 1/2 (một phần hai) mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con”*. Xét chi phí hợp lý cho những nhu cầu thiết yếu hiện nay của người được cấp dưỡng tại địa phương, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc anh Nguyễn Duy Đ phải cấp dưỡng cho 02 con chung Nguyễn Khôi N và Nguyễn Mai Tường V; mức cấp dưỡng cho mỗi con mỗi tháng là 1.000.000đồng; thời gian cấp dưỡng cho con tính từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03-9-2020) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

[2.4] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Duy Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị Lê Thị Mỹ H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Anh Nguyễn Duy Đ và chị Lê Thị Mỹ H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Duy Đ phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng cho con theo định kỳ. Số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí anh Đ đã nộp sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí anh Đ phải chịu. Anh Đ còn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Duy Đ được ly hôn chị Lê Thị Mỹ H.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Duy Đ và chị Lê Thị Mỹ H có 02 con chung là Nguyễn Khôi N, sinh ngày 01-5-2017 và Nguyễn Mai Tường V, sinh ngày 03-02-2019.

Giao 02 con chung Nguyễn Khôi N và Nguyễn Mai Tường V cho chị Lê Thị Mỹ H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Duy Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con: Anh Nguyễn Duy Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 con chung Nguyễn Khôi N và Nguyễn Mai Tường V, mỗi con mỗi tháng 1.000.000đồng (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng cho con được tính từ ngày tuyên án (ngày 03-9-2020) cho đến khi các con chung Nguyễn Khôi N và Nguyễn Mai Tường V đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy

định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Duy Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị Lê Thị Mỹ H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Anh Nguyễn Duy Đ và chị Lê Thị Mỹ H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Anh Nguyễn Duy Đ phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình và 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng cho con theo định kỳ. Số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí anh Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005766 ngày 15-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí anh Đ phải chịu. Anh Nguyễn Duy Đ còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng).

7. Về quyền kháng cáo: Bị đơn chị Lê Thị Mỹ H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn anh Nguyễn Duy Đ không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

8. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã T, huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Phong**